

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HC-ST
Ngày: 20-6-2023
V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Xuân Hòa

2. Bà Trần Thị Thu Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Trung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 43/2023/TLST-HC ngày 28/4/2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HC ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Tổ 1, khu T, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Minh T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 2, Khu Y, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2023). Có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N- Phó Chủ tịch UBND thành phố H. (Theo văn bản ủy quyền số 1255/QĐ-UBND ngày 17/5/2023)- vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân T- Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Trung H- Phó Giám đốc Sở T tỉnh Quảng Ninh. Có đơn xin xử vắng mặt

+ Ủy ban nhân dân thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N- Phó Chủ tịch UBND thành phố H. (Theo văn bản ủy quyền số 3834/QĐ-UBND ngày 14/10/2022)- vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân T- Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H. Có mặt.

+ UBND phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Tiến C- Phó Chủ tịch UBND phường B, thành phố H (Theo văn bản uỷ quyền số 150/UQ-UBND ngày 23/5/2023). Có mặt.

+ Ông Lương Minh T, Lương Minh T1. Cùng địa chỉ: Tổ 2 khu Y, phường H, TP H, tỉnh Quảng Ninh. Ông T có mặt, ông T1 vắng mặt.

+ Ông Lương Cao T2. Địa chỉ: Tổ 6 khu Y, TP H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lương Cao T2, Lương Minh T1: Lương Minh T.(Theo văn bản uỷ quyền ngày 12/6/2023). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người khởi kiện, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1992 ông Vũ Văn C khai phá đắp đầm để nuôi trồng thủy sản tại thị trấn T, huyện H (nay là khu T phường H, TP H), đến năm 2011 chuyển nhượng lại cho 03 hộ đồng sử dụng (ông Lương Minh T, ông Lương Minh T1, ông Lương Cao T2) bằng giấy viết tay được Ủy ban nhân dân thị trấn T xác nhận ngày 04/11/2011. Các ông Lương Minh T, ông Lương Minh T1, ông Lương Cao T2 tiếp tục sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản cho đến nay.

Năm 2020, thực hiện dự án “Xây dựng kè chống sạt lở sông T (tuyến kè bảo vệ kết hợp đường giao thông hạ lưu sông T)”, hộ ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị H đã bị thu hồi 2.542,3m² đất nuôi trồng thủy sản tại khu T phường H, TP H, được phê duyệt phương án bồi thường tại quyết định số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 (Các quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường mang tên ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị H và xác định ông Lương Minh T, ông Lương Minh T1, ông Lương Cao T2 là người có quyền lợi liên quan). Ông C khiếu nại quyết định số 15288/QĐ-UBND, yêu cầu được hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm; yêu cầu bồi thường 100% giá trị đất đắp bờ đầm. Tại quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2311/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H không chấp nhận khiếu nại. Ông C khiếu nại lần 2. Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3308/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 đã chấp nhận 1 phần khiếu nại, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho 3 hộ ông Lương Minh T, ông Lương Minh T1, ông Lương Cao T2, đình chỉ 1 phần do ông C rút khiếu nại.

Ông C cho rằng quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND TP H là không đúng về nội dung: phần khối lượng đất đắp bờ đầm 10.960,34m³ chỉ được hỗ trợ 50%, vì: Trong quá trình nuôi trồng thủy sản hàng năm các ông đều phải cải tạo và bồi đắp để bảo vệ ao nuôi, quá trình cải tạo không có cơ quan Nhà nước nào yêu cầu phải xin giấy phép mà còn được miễn giấy phép xây dựng theo đúng mục h, khoản 2, Điều 89 Luật xây dựng 2014 (... " h) Công trình sửa chữa, cải tạo làm thay đổi kiến trúc mặt ngoài không tiếp giáp với đường trong đô thị có yêu cầu về quản lý kiến trúc;") và không bị lập biên bản vi phạm.

Do đó, ông C, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2311/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của UBND thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, buộc UBND TP H lập lại phương án bồi thường theo hướng tính 100% đơn giá bồi thường đối với 10.960,34m³ đất đắp bờ đầm.

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có quan điểm:

[1]. Thực hiện dự án “Xây dựng kè chống sạt lở sông T (tuyến kè bảo vệ kết hợp đường giao thông hạ lưu sông T)”, ngày 16/12/2020 UBND TP H ban hành quyết định thu hồi đất số 15287/QĐ-UBND thu hồi của hộ ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị H 2.542,3m² đất nuôi trồng thủy sản tại khu T phường H, TP H và được phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2020.

Theo nội dung bản chứng nhận nhà đất ngày 04/12/2020 và Văn bản xác minh bổ sung số 706 ngày 15/12/2020 của UBND phường H, thửa đất bị thu hồi là thửa 3/2/GPMB, có nguồn gốc: Đất do ông Vũ Văn C khai phá đắp đầm năm 1992, đến năm 2011 ông C chuyển nhượng lại cho 03 hộ đồng sử dụng (Ông Lương Minh T, Lương Cao T2, Lương Minh T1) được UBND thị trấn T xác nhận ngày 04/11/2011. Phần diện tích thu hồi 2.542.3m² không thuộc quỹ đất do UBND phường quản lý, không phải diện tích lấn chiếm.

Quá trình sử dụng:

+ Từ năm 1992 đến năm 2011 do ông Vũ Văn C quản lý sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản.

+ Từ năm 2011 đến nay do 03 hộ đồng sử dụng (ông Lương Minh T, Lương Minh T1, Lương Cao T2) sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản.

Thời điểm xây dựng công trình trong mốc GPMB:

- Từ năm 1992 đến trước năm 2014 đắp thủ công kết hợp cơ giới. Nhà trồng đầm xây dựng năm 2012 không bị lập biên bản vi phạm hành chính.

- Từ năm 1992 đến trước 1/7/2004 đắp thủ công kết hợp cơ giới (Căn cứ hồ sơ bồi thường đường ô tô T – V)

- Từ ngày 1/7/2004 đến trước ngày 1/7/2014 đắp bờ đầm bằng cơ giới (trừ phần đắp trước ngày 1/7/2004)

Thời điểm trồng cây: Trồng trước thời điểm có thông báo thu hồi đất

Trên cơ sở kết quả xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hộ ông Vũ Văn C và Nguyễn Thị H được bồi thường, hỗ trợ như sau:

- **Phần đất:** + Đất nuôi trồng thủy sản thu hồi vĩnh viễn thửa 03/02/GPMB: 2.542,3m² x 34.000 đồng/m² = 86.438.200 đồng (theo điều 75, điều 100 Luật đất đai 2013, giá đất áp dụng theo Quyết định số 5650/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

- **Kiến trúc:** + Nhà trồng đầm xây dựng năm 2012 trên thửa 3/2/GPMB hỗ trợ 50% theo mục b khoản 1 Điều 25 Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

+ Công trình ngoài nhà xây dựng năm 2006, khi xây dựng không bị lập biên bản vi phạm, hỗ trợ 50% theo mục b khoản 1 Điều 25 Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

+ Công trình đắp bờ thủ công kết hợp cơ giới thời điểm xây dựng từ 01/7/2004 đến trước năm 01/7/2014 khi đắp bờ không bị xử phạt vi phạm, hỗ trợ 50% theo điểm b, khoản 1 Điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh (phương án phê duyệt tại Quyết định số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND thành phố).

+ Công trình đắp bờ thủ công kết hợp cơ giới thời điểm xây dựng 1992 đến trước năm 1/7/2004, khi đắp bờ không bị xử phạt vi phạm, hỗ trợ 80% theo điểm b khoản 1 điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Cây, hoa màu: bồi thường 100%

- Chính sách hỗ trợ: không.

- Tái định cư: Gia đình không đủ điều kiện được bố trí tái định cư theo điều 18 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Sau khi nhận phương án bồi thường, ông Vũ Văn C bà Nguyễn Thị H không đồng ý và có đơn khiếu nại Quyết định số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND Thành phố "V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông, bà Vũ Văn C- bà Nguyễn Thị H (người có quyền lợi liên quan ông Lương Minh T, Lương Cao T2, Lương Minh T1), nội dung: (1) không đồng ý việc UBND Thành phố H hỗ trợ 50% giá trị đất đắp bờ đầm đổi với phần khối lượng 10.960,34m³ đất, yêu cầu bồi thường 100% giá trị; (2) yêu cầu bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình (ông Lương Minh T, Lương Cao T2, Lương Minh T1 là 3 hộ đồng sử dụng trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất thu hồi).

Ngày 14/6/2022, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2311/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Vũ Văn C bà Nguyễn Thị H, không chấp nhận khiếu nại.

Hộ ông Vũ Văn C bà Nguyễn Thị H khiếu nại (lần hai) đối với Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Ngày 08/11/2022, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 3289/QĐ-UBND về việc Đình chỉ giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Vũ Văn C bà Nguyễn Thị H đối với nội dung: không đồng ý với UBND Thành phố hỗ trợ 50% giá trị đất đắp bờ đối với phần khối lượng 10.960,34m³ đất, yêu cầu bồi thường 100% giá trị.

Ngày 10/11/2022, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 3308/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Vũ Văn C bà Nguyễn Thị H: Chấp nhận nội dung (1) yêu cầu bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình (ông Lương Minh T, Lương Cao T2, Lương Minh T1) là 3 hộ dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên thửa đất thu hồi.

Thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung tại Quyết định phê duyệt bổ sung phương án bồi thường số 4346/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố, trong đó hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo Điều

13 Quyết định số 3000/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

[2].Đối với nội dung khởi kiện: Không đồng ý việc UBND thành phố H hỗ trợ 50% giá trị đất đắp bờ đầm đối với phần khối lượng 10.960,34m³ đất, yêu cầu bồi thường 100% giá trị:

Công trình bờ đầm xây dựng từ ngày 1/7/2004 đến trước ngày 1/7/2014 đắp bờ đầm bằng cơ giới (trừ phần đắp trước ngày 1/7/2004), là công trình tạo lập sau 2004 trái quy định, không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo điều 92 Luật Đất đai năm 2013:

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.

Tại phương án đã phê duyệt tại Quyết định số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 phần bờ đầm hỗ trợ 50% theo điểm b, khoản 1 điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ- UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, bờ đầm hình thành từ ngày 1/7/2004 đến trước ngày 1/7/2014 đắp bờ đầm bằng cơ giới (trừ phần đắp trước ngày 1/7/2004) trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất, sử dụng đúng mục đích, không bị xử phạt hành chính và hàng năm có tu bổ để nuôi trồng thủy sản. Do đó, phương án được UBND thành phố ban hành tại Quyết định số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2020; Quyết định số 6428/QĐ-UBND ngày 02/8/2021; Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 là đúng quy định.

- Công trình bờ đầm (10.960,34m³) xây dựng từ 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014, là công trình xây dựng sau 01/7/2004, phải xin phép xây dựng nhưng đã không xin phép là vi phạm điều 89 Luật xây dựng 2014, không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo khoản 2 điều 92 Luật đất đai 2013(quy định các trường hợp không được bồi thường tài sản trên đất).

- Khi đắp bờ không bị xử phạt vi phạm, áp dụng điểm b khoản 1 điều 25 Quyết định số 3000/2017/QĐ- UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh, hỗ trợ 50% giá trị là đúng quy định.

Căn cứ các quy định và kết quả giải quyết cụ thể như trên, việc của ông Vũ Văn C bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông Vũ Văn C bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử bác đơn khởi kiện của ông Vũ Văn C bà Nguyễn Thị H./.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quan điểm: Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3308/QĐ-UBND đã chấp nhận yêu cầu bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông Lương Minh T, Lương Cao

T2, Lương Minh T1 và đình chỉ đối với yêu cầu không đồng ý nội dung hỗ trợ 50% giá trị đất đắp bờ đầm đối với 10.960,34m³ đất (do rút yêu cầu khiếu nại) là đúng quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường H, TP H có quan điểm: giữ nguyên quan điểm như bản chứng nhận nhà đất đã lập ngày 04/12/2020 và Văn bản xác minh bổ sung số 706 ngày 15/12/2020 của UBND phường H về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của thửa đất bị thu hồi.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Minh T, Lương Cao T2, Lương Minh T1 có quan điểm: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà có quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị H.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về pháp luật tố tụng:* Ngày 18/4/2023 ông Vũ Văn C khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2311/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND TP H là còn trong thời hiệu. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 điều 3 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết là đúng quy định theo điều 32, điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đối với các quyết định thu hồi đất số 15287/QĐ-UBND ngày 16/12/2020, các quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2020; Quyết định số 6425/QĐ-UBND ngày 02/8/2021; Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND TP H; Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3308/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh tuy không bị khởi kiện nhưng là các quyết định hành chính có liên quan nên cần xem xét tính hợp pháp theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

[2] *Xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính.*

[2.1] *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính*

Sau khi được UBND thành phố H phê duyệt phương án bồi thường tại quyết định số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2020, ông Vũ Văn C có đơn khiếu nại.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại đảm bảo đúng quy định tại các điều 27,

28, 29, 30 Luật khiếu nại năm 2011. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2311/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 là đảm bảo các quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 18, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện (phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2311/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm), chỉ yêu cầu hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2311/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H (phần hỗ trợ 50% giá trị đất đắp bờ đầm đối với 10.960,34m³), xét thấy việc rút 1 phần yêu cầu là tự nguyện nên cần đình chỉ đối với yêu cầu đã rút của người khởi kiện.

[2.2] Xét về nội dung khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1]. Thực hiện dự án “Xây dựng kè chống sạt lở sông T (tuyến kè bảo vệ kết hợp đường giao thông hạ lưu sông T)”, ngày 16/12/2020 UBND thành phố H ban hành quyết định thu hồi đất số 15287/QĐ-UBND thu hồi 2.542,3m² đất nuôi trồng thủy sản của hộ ông C, và đã ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2020; Quyết định số 6428/QĐ-UBND ngày 02/8/2021; Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 bồi thường, hỗ trợ cho ông C, trong đó bồi thường đất nuôi trồng thủy sản 100%, bồi thường 100% giá trị đối với công trình bờ đầm xây dựng từ 1992 đến trước ngày 01/7/2004; hỗ trợ 50% công trình bờ đầm xây từ 1/7/2004 đến trước 1/7/2014; Không đủ điều kiện được tái định cư.

Thấy rằng: Căn cứ bản chứng nhận nguồn gốc nhà, đất của UBND phường H lập ngày 04/12/2020 và Văn bản xác minh bổ sung số 706 ngày 15/12/2020 của UBND phường H, xác định: Hộ ông Vũ Văn C sử dụng đất nuôi trồng thủy sản từ năm 1992, đến năm 2011 chuyển nhượng lại cho các ông Lương Minh T, Lương Cao T2 và Lương Minh T1 để nuôi trồng thủy sản. UBND thành phố H xác định công trình bờ đầm xây từ 1/7/2004 đến trước 1/7/2014 là công trình được tạo lập trái quy định pháp luật theo khoản 2 điều 92 Luật Đất đai năm 2013 (không xin phép xây dựng) nhưng không đưa ra căn cứ chứng minh, và áp dụng Luật Đất đai năm 2013 để giải quyết đối với công trình xây dựng trước 1/7/2014 là không phù hợp.

Ông Lương Minh T khẳng định khi nhận chuyển nhượng đầm của ông Vũ Văn C vào năm 2011, toàn bộ đầm đã được đắp trước đó, sau này trong quá trình sử dụng, ông T, ông T1, ông Tân đều phải sửa chữa cải tạo hàng năm do bị sạt lở, để bảo vệ ao nuôi và chỉ sửa chữa, không đắp mới. Tại phiên tòa, UBND phường H khẳng định việc xác định thời điểm xây dựng công trình trong bản chứng nhận nhà đất là thời điểm đắp cải tạo, không phải đắp mới.

Như vậy, diện tích đất thu hồi được sử dụng đúng mục đích nuôi trồng thủy sản, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đã được bồi thường 100%; công trình bờ đầm xây dựng không bị xử phạt hành chính; theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 62 Luật Xây dựng năm 2003 thì thuộc nhóm các công trình sửa chữa, cải tạo...thuộc trường hợp không phải cấp giấy phép xây dựng, do đó là tài sản hợp

pháp được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường của hộ ông Vũ Văn C. UBND thành phố H xác định là công trình xây dựng không hợp pháp để áp dụng điểm b khoản 1 điều 25 quyết định số 3000/2017/QĐ- UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh để hỗ trợ 50% giá trị là chưa đảm bảo quyền lợi cho hộ ông C. Trường hợp này, hộ ông C phải được bồi thường đối với công trình xây dựng trên đất theo điều 89 Luật Đất đai năm 2013, điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; điều 21 quyết định số 3000/2017/QĐ- UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh để bồi thường 100% giá trị 10.960,34m³ khối lượng đất đắp bờ đầm cho ông Vũ Văn C.

Từ những phân tích trên thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn C v/v hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND TP H (phần không chấp nhận yêu cầu bồi thường 100% giá trị giá trị đất đắp bờ đầm đối với 10.960,34m³). UBND TP H đã lập phương án bồi thường 50% giá trị đất đắp bờ đầm tại quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2020, nên cần lập phương án bồi thường bổ sung 50% giá trị đất đắp bờ đầm đối với 10.960,34m³ cho hộ ông Vũ Văn C (người có quyền lợi liên quan ông Lương Minh T, Lương Cao T2, Lương Minh T1).

Các quyết định hành chính có liên quan gồm: quyết định thu hồi đất số 15287/QĐ-UBND ngày 16/12/2020, các quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 15288/QĐ-UBND ngày 16/12/2020; Quyết định số 6425/QĐ-UBND ngày 02/8/2021; Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND TP H được ban hành đúng quy định tại các điều 66, 69 Luật đất đai 2013, điều 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3308/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 21, điều 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại 2011.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 173; Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 66, 69, Điều 89 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18, Điều 27, 28, 29, 30 Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: [1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị H (về việc hủy phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2311/QĐ-UBND 14/6/2022 của Chủ tịch UBND TP H không chấp nhận yêu cầu bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm)

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị H. Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2311/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H (phần không chấp nhận yêu cầu bồi thường 100% giá trị đất đắp bờ đầm đối với 10.960,34m³). Buộc UBND thành phố H thực hiện nhiệm vụ, công vụ về lập, phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Vũ Văn C đối với 10.960,34m³ đất đắp bờ đầm.

Chủ tịch UBND TP H phải nộp 300.000đồng án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị H 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0016034 ngày 11/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- NBVQVLIHP;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Duyên